

TRƯỜNG QUỐC TẾ
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM CỦA NGHIÊN CỨU SINH CHƯƠNG TRÌNH TIẾN SĨ
Đợt 1 năm 2026**

| STT | Họ và tên | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Điểm đánh giá hồ sơ (/50) | Đề cương (/40) | Trình bày (/10) | Tổng điểm (/100) |
|----------|---|-----------|------------|----------------|---------------------------|----------------|-----------------|------------------|
| I | TIẾN SĨ KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ (DEM) | | | | | | | |
| 1 | Phạm Tuấn Đạt | Nam | 29/04/1996 | Hà Nội | 47 | 26 | 7 | 80 |
| 2 | Vũ Trọng Hiếu | Nam | 01/8/1992 | Hà Nội | 45 | 26 | 8 | 79 |
| 3 | Thái Thị Huyền | Nữ | 05/9/1993 | Hà Tĩnh | 31.7 | 34 | 8 | 73.7 |
| 4 | Nguyễn Phương Linh | Nữ | 15/10/1999 | Hà Nội | 32 | 34 | 8 | 74 |
| 5 | Hồ Thị Nguyệt | Nữ | 01/11/1986 | Nghệ An | 47 | 20 | 8 | 75 |
| 6 | Phí Đình Thành | Nam | 18/04/1998 | Hà Nội | 32 | 34 | 8 | 74 |
| 7 | Đỗ Huyền Trang | Nữ | 16/04/1987 | Hải Phòng | 45 | 28 | 7 | 80 |
| 8 | Phạm Anh Tuấn | Nam | 29/10/1980 | Nam Định | 38 | 26 | 8 | 72 |
| 9 | Trần Thị Hải Yến | Nữ | 20/12/1986 | Hung Yên | 34 | 34 | 8 | 76 |
| 10 | Phạm Mai Thu Thủy | Nữ | 24/10/1990 | Thừa Thiên Huế | 32 | 34 | 8 | 74 |
| 11 | Nguyễn Đức | Nam | 15/12/2003 | Hà Nội | 41 | 29 | 8 | 78 |
| 12 | Nguyễn Phương Mai | Nữ | 08/5/2002 | Hà Nội | 37 | 34 | 9 | 80 |
| 13 | Nguyễn Thị Minh Phương | Nữ | 25/11/1996 | Thái Bình | 34.5 | 35 | 9 | 78.5 |

| STT | Họ và tên | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Điểm đánh giá hồ sơ (/50) | Đề cương (/40) | Trình bày (/10) | Tổng điểm (/100) |
|-----------|--|-----------|------------|-----------|---------------------------|----------------|-----------------|------------------|
| 14 | Nguyễn Thiện Thanh Thảo | Nữ | 29/10/1999 | Hà Nội | 43 | 31 | 8 | 82 |
| 15 | Hoàng Thị Thu | Nữ | 31/10/1980 | Hà Nội | 39.5 | 21 | 8 | 68.5 |
| 16 | Đặng Quốc Việt | Nam | 11/4/1995 | Hà Nội | 40 | 33 | 8 | 81 |
| 17 | Lê Quỳnh Anh | Nữ | 15/10/1992 | Hải Dương | 42 | 30 | 8 | 80 |
| II | TIỀN SĨ TIN HỌC VÀ KỸ THUẬT MÁY TÍNH (DICE) | | | | | | | |
| 1 | Bùi Thị Như | Nữ | 1/1/1985 | Hung Yên | 33.3 | 36 | 8 | 77.3 |
| 2 | Nghiêm Thị Lan Phương | Nữ | 25/1/1981 | Hà Nội | 30 | 38 | 9 | 77 |
| 3 | Nguyễn Tuấn | Nam | 12/12/1981 | Hà Nội | 36.66 | 34 | 8 | 78.66 |
| 4 | Trần Đức Vinh | Nam | 20/6/1999 | Phú Thọ | 34.4 | 36 | 8 | 78.4 |